

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

• **GS. TSKH. ĐẶNG ỨNG VẬN**

*Văn phòng Hội đồng Quốc gia Giáo dục*

## I. Mở Đầu

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam giai đoạn 2006- 2020 đã xác định 7 nội dung đổi mới cơ bản:

- 1/ Cơ cấu đào tạo và hoàn thiện hệ thống nhà trường ;
- 2/ Quy trình, nội dung và phương pháp đào tạo;
- 3/ Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng giảng viên và cán bộ quản lí;
- 4/ Tổ chức triển khai các hoạt động khoa học - công nghệ;
- 5/ Huy động nguồn lực và cơ chế tài chính;
- 6/ Quản lí;
- 7/ Về hội nhập quốc tế.

Bài viết này không nhằm trình bày đầy đủ những giải pháp liên quan đến 7 nội dung trên đây mà chỉ tập trung đề xuất giải pháp vĩ mô đặc thù nhằm đưa GDĐH thích ứng và phát triển trong cơ chế thị trường. (\*)

## II. Những mâu thuẫn cơ bản

### 1. Mâu thuẫn giữa giá trị tinh thần và giá trị kinh tế

Kerr<sup>3</sup> đã viết: "GDĐH hiện đại với nhiều loại hình phong phú giống như một thành phố lớn phần hoa rực rỡ, hấp dẫn vô cùng, nó tự do duy trì và truyền bá chân lí, tìm tòi cái mới, phục vụ xã hội, sản xuất có hiệu quả, giữ vững ổn định, các thành viên của nó hiến mình vì chân lí". Nhạc Kinh Luân cũng viết: "Tinh thần mưu cầu học vấn, tìm tòi chân lí, truyền thừa văn hoá, phê bình văn hoá, sáng tạo văn hoá không mưu cầu lợi nhuận này chính là nơi tồn tại giá trị tinh thần

của GDĐH"<sup>3</sup>.

Mặt khác, xét từ góc độ kinh tế học, giáo dục (bao gồm GDĐH) đã trở thành một hoạt động mang tính sản xuất, trở thành công ty khai thác nguồn nhân tài, sản xuất năng lực lao động, sản phẩm của nó có một giá trị theo nghĩa rộng và một giá trị sử dụng.

Rõ ràng giá trị tinh thần và giá trị kinh tế của GDĐH không thể điều hoà. Xung đột giữa giá trị tinh thần và giá trị kinh tế quyết định mục tiêu và hành vi của GDĐH, trở thành thể thống nhất của mâu thuẫn.

### 2. Mâu thuẫn giữa quan niệm giáo dục và quan niệm thị trường

Quá trình giáo dục con người không phải là quá trình sản xuất dây chuyền, không phải là quá trình tiếp nhận đơn thuần, mà trong đó bao hàm quá trình cấu tạo lại tố chất người được giáo dục, đó cũng là quá trình tự trưởng thành của người được giáo dục. Trong quá trình giáo dục không tồn tại "trao đổi giáo dục", hoạt động giữa người dạy và người học không phải là hoạt động giáo dục được triển khai theo nguyên tắc trao đổi tương đương (ngang giá).

Song, GDĐH không thể tổ chức trong chân không, GDĐH có trăm ngàn mối liên quan với xã hội. Trong thể chế kinh tế thị trường, GDĐH cũng phải tuân theo quy tắc thị trường, hoặc là học theo quy tắc thị trường, cải cách cơ chế tổ chức nội bộ, ví dụ như thiết lập cơ chế phân tích đầu tư sản xuất, cơ chế bồi hoàn giá thành, cơ chế bảo đảm chất lượng, cơ chế sắp xếp tối ưu hoá nguồn tài sản.

### 3. Mâu thuẫn giữa hướng nhân văn và hướng nghề nghiệp

(\*) Xem thêm: Đặng Ứng Vận - Phát triển GDĐH trong cơ chế thị trường: Lí luận và thực tiễn - Tạp chí KHGD, số 9 tháng 6-2006

Mục đích trước tiên của GDĐH là đào tạo con người. Tất cả những việc phát huy tính người, rèn luyện cá tính, thực hiện xã hội hoá đều được hoàn thành thông qua con đường giáo dục. Triết học rèn luyện lí trí con người, văn học hun đúc tình cảm con người, lịch sử giúp con người nắm bắt vận mệnh, tinh thần khoa học đưa con người đi trên con đường nhân sinh truy tìm chân lí.

Nhưng GDĐH không chỉ đào tạo con người kiện toàn về tâm lẫn trí, mà còn đào tạo con người có khả năng lập nghiệp, phù hợp với những công việc của xã hội.

Hướng nhân văn và hướng nghề nghiệp của GDĐH vừa đối lập vừa thống nhất, vừa bài xích nhau, vừa bổ sung nhau.

### III. Quan điểm xây dựng giải pháp

Khi thúc đẩy hoạt động GDĐH tiếp cận thị trường, chúng ta phải hiểu được ảnh hưởng, cái lợi cũng như cái hại của thị trường đối với sự phát triển của GDĐH, đặt niềm tin vào thị trường nhưng không nên tin một cách mù quáng" (Ball, 1990)<sup>3</sup>. Khác với các dịch vụ công cộng khác, giáo dục vẫn là một dạng dịch vụ nâng cao các giá trị chân thiện mỹ của con người, vẫn là một sự nghiệp "dạy người". Nếu như những người làm công tác giáo dục đều tiến hành giảng dạy theo các chỉ tiêu và tiêu chuẩn thị trường thì họ sẽ không muốn làm gì hơn số tiền mà họ được nhận và đương nhiên những lí tưởng như "dạy mà không cần phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo" cũng chỉ là những khẩu hiệu không tưởng. Câu nói "vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người" vẫn còn nguyên giá trị. "Dạy người" vẫn là lấy sinh mệnh này để tác động đến một sinh mệnh khác (Mạc Gia Hào)<sup>3</sup>.

Tuy vậy, thông tin, truyền thông đang đẩy nhanh sự phát triển của thế kỷ XXI, ảnh hưởng của toàn cầu hoá đã không còn là viễn cảnh xa vời, ảnh hưởng này đã khiến cho các xã hội và thể chế khác nhau phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Giáo dục - thể chế có liên quan đến xã hội thông tin - càng phải có sự thay đổi nhanh hơn nữa, giáo dục cần tăng thêm tính mềm dẻo và tính linh hoạt để thích ứng được với sự thay đổi nhanh chóng của yêu cầu xã hội về mọi mặt.

Nếu cứ dậm chân tại chỗ, bảo thủ giữ mãi những khiếm khuyết hay xem xét tình thế (trade-off) quá lâu sẽ khó có thể kịp thời bồi dưỡng lớp nhân tài cho đất nước, sức cạnh tranh của quốc gia trên thế giới sẽ giảm sút, thậm chí không phát triển được.

Có một sự tương đồng ngẫu nhiên giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Trong khoa học tự nhiên có bài toán do dự (trade-off) trong việc khai thác dữ liệu (datamining) được giải đồng thời dựa trên nguyên lí entropy cực đại (smoothness) và sự thích nghi (fitness). Điều kiện của bài toán khai thác dữ liệu hoàn toàn tương đồng với bài toán giáo dục đại học: chúng ta đang do dự giữa giá trị kinh tế, quan niệm thị trường và hướng nghề nghiệp (gọi chung là hiệu quả - effectiveness) và giá trị tinh thần, quan niệm truyền thống và hướng nhân văn (gọi chung là sự bền vững - sustainability) của GDĐH. Những giải pháp vĩ mô được trình bày dưới đây được xây dựng theo nguyên tắc tìm điểm cân bằng tối ưu mà không theo nguyên tắc phủ định một mất một còn.

### IV. Các giải pháp vĩ mô

#### 1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Phát huy vai trò quản lí vĩ mô của Chính phủ

##### 1.1. Thiết lập một thị trường giả (quasi-market) trong GDĐH

Nhìn từ góc độ của chính sách công cộng và chính sách xã hội, xuất hiện trong phạm trù giáo dục không phải là thị trường tự do thực sự mà là "thị trường giả" (quasi-market) (Le Grand, Bartlett, 1993)<sup>3</sup> đề cao 4 nguyên tắc: hiệu suất (efficiency), đáp ứng (responsiveness), lựa chọn (choice) và công bằng (equity), đồng thời áp dụng hệ thống cạnh tranh, chọn lọc và tập trung trong việc tài trợ kinh phí của Chính phủ cho các trường ĐH (dựa trên đánh giá của đối tác thứ ba).

Trong thị trường giả, mặc dù các trường ĐH phải đối diện với hiện thực cạnh tranh "khách hàng" (nhà nước và xã hội) nhưng những cơ cấu này không giống như các doanh nghiệp tư nhân duy trì hoạt động kinh doanh vì mục tiêu kiếm được càng nhiều lợi nhuận càng tốt. Người tiêu dùng các dịch vụ công cộng hay khách hàng cũng không hành động như trong thị trường tự do

dùng tiền để đánh giá giá trị dịch vụ và làm công cụ giao dịch, sức mua có thể chuyển thành kinh phí để đổi lấy dịch vụ giáo dục.

*1.2. Tăng cường tính tự chủ của các trường đại học - các thực thể độc lập có tư cách pháp nhân.*

Có học giả cho rằng (Whitty, 1997)<sup>3</sup>, việc chính quyền chuyển giao quyền tự chủ cho trường học và người học không phải là để thúc đẩy tinh thần hợp tác cùng nhau quản lý trường sở mà là muốn đưa vào những ý tưởng về chủ nghĩa quản lý hay chủ nghĩa tự do mới (!), quán triệt nguyên tắc tài chính và chịu trách nhiệm trước công chúng. Thực ra, trong cơ chế thị trường phải thông qua cạnh tranh mới có thể nâng cao hiệu quả và chất lượng của các cơ sở giáo dục. Để có thể "phóng tay phát động" các trường đại học trong cuộc cạnh tranh này thì Chính phủ cần chuyển giao nhiều hơn nữa quyền tự chủ quản lý cho các trường, phối hợp với nhu cầu thị trường để đưa ra sự điều chỉnh cần thiết. Ở chừng mực nào đó mô hình quản lý kiểu doanh nghiệp sẽ hỗ trợ đắc lực cho sự cạnh tranh này.

*1.3. Đẩy mạnh việc xây dựng pháp chế trong quá trình GDDH tiếp cận thị trường*

Đưa GDDH tiếp cận thị trường tất yếu dẫn tới phải điều tiết rất nhiều quan hệ pháp luật theo hình thức mới, vì vậy phải đẩy mạnh công tác xây dựng pháp chế. Thông qua việc xây dựng chế độ và qui tắc pháp luật tương ứng để điều tiết các quan hệ và hành vi của chủ thể thị trường, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các chủ thể thị trường.

Để có được sự cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục điều rất quan trọng là phải đạt tới cân bằng cung-cầu. Hiện nay cung không đủ cầu và người học chịu thiệt thòi. "Dạy thế nào cũng có người học miễn là cấp cho họ một cái bằng". Để tạo cân bằng cung cầu thì cần nới lỏng các thủ tục quá rườm rà của việc lập trường. Mở rộng giai đoạn cấp phép và chặt chẽ công việc hậu kiểm. Trước mắt, cần đặc biệt chú trọng các vấn đề như điều kiện cơ bản để thành lập trường và bảo đảm quyền lợi học tập của sinh viên.

*1. 4. Loại trừ mặt xấu do tác động của các*

*trực trực và khiếm khuyết của thị trường trong quá trình tiếp cận thị trường của GDDH.*

Xây dựng cơ chế lựa chọn dịch vụ GDDH khoa học, hợp lí bảo đảm cho sinh viên có được đầy đủ quyền lợi và tự do lựa chọn trong thị trường giả của GDDH. Xây dựng hệ thống tin hai chiều đối xứng để đảm bảo cho sinh viên có đầy đủ thông tin về cơ sở giáo dục, để có thể giúp cho sinh viên lựa chọn đúng và phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện và nguyện vọng. Xây dựng, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống tín dụng và hệ thống bảo hiểm xã hội cho GDDH. Nghiên cứu kĩ chế độ mức phí/qui định của GDDH. Mức giá qui định là một vấn đề nan giải lớn trong quá trình tiếp cận thị trường.

*2. Nhóm giải pháp thứ hai: Bảo vệ người tiêu dùng - sinh viên bằng hệ thống kiểm định, công nhận chất lượng, đánh giá và giám sát.*

Thống nhất quan niệm mới về chất lượng, thể chế hoá các nguyên tắc, tiêu chí và quy trình đánh giá, kiểm định, tổ chức công tác quản lý dựa trên một mô hình phù hợp và hiệu quả sẽ có tác động quan trọng, khắc phục các bất cập hiện nay, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bảo vệ được người tiêu dùng- sinh viên dưới tác động của cơ chế thị trường.

Sự thật là chúng ta đã và đang từng bước thay thế nền giáo dục tinh hoa trước kia bằng nền giáo dục cho số đông - còn gọi là nền giáo dục đại chúng - với những mục tiêu, yêu cầu đã đổi khác và đa dạng hơn. Trong một bối cảnh như vậy, cần có giải pháp ở tầm vĩ mô dựa trên một sự thay đổi cả về tư duy và phương thức để quản lý chất lượng giáo dục một cách có hiệu quả.

Mặc dù khó có thể đưa ra một quan niệm thống nhất có tính học thuật về chất lượng giáo dục nhưng nhà nước cần tuyên bố công khai quan điểm về chất lượng giáo dục. Tuyên bố của nhà nước về thực chất là sự lựa chọn hướng ưu tiên trong số các quan niệm khác nhau về chất lượng giáo dục, vì thế, hoàn toàn không phải là cái gì đó cố hữu và bất biến. Một quan điểm như vậy khi được nhà nước tuyên bố sẽ là cơ sở lí



luyện và thực tiễn cho việc cải cách giáo dục, giúp cho nhà trường xác định được phương hướng đảm bảo chất lượng, giúp cho xã hội đánh giá được chất lượng thực sự của một trường học, của những đổi mới trong giáo dục và giúp cho các nhà quản lí có những quyết định đầu tư sáng suốt. Với vai trò chủ thể đứng ra đánh giá, nhất là đồng đảo các giáo viên, việc thống nhất nhận thức về vấn đề này sẽ hữu ích cho việc dạy của các thầy cô giáo và đánh giá học lực của người học một cách chính xác.

Xã hội hiện đại là xã hội luôn có sự cải cách. Trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học... đều luôn có những biến đổi rất mạnh mẽ; đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với giáo dục; đòi hỏi giáo dục phải đào tạo nên những con người kiểu mới mà thời đại mới cần có. Những con người này không chỉ có tri thức cơ bản về văn hoá - khoa học vững chắc, mà quan trọng hơn nữa là còn phải có năng lực tư duy, sáng tạo, ứng biến và năng lực phân tích - giải quyết vấn đề. Đây là quan niệm về học lực của nền giáo dục hiện đại.

Thể chế hoá công việc đánh giá chất lượng ở tầm quốc gia là một mắt xích quan trọng trong đổi mới quản lí chất lượng giáo dục. Trước hết, xuất phát từ tuyên bố của nhà nước về chất lượng giáo dục cần định dạng các thang bậc chất lượng cho phù hợp với vùng miền, dân tộc, với sự đa dạng của năng lực cá nhân, với các phương thức giáo dục khác nhau để đưa ra các chuẩn mực cơ bản cho việc đánh giá chất lượng giáo dục. Khi đã xây dựng được các chuẩn mực cơ bản thì để việc thực thi có hiệu quả cần thể chế hoá nguyên tắc, tiêu chí và quy trình đánh giá.

Để thực hiện việc quản lí chất lượng giáo dục có hiệu quả, cần tổ chức một mô hình quản lí hợp lí, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của giáo dục nước nhà. Hiện nay trên thế giới, người ta có xu hướng áp dụng các mô hình cơ bản trong quản lí kinh tế cho việc quản lí chất lượng giáo dục. Mỗi mô hình có một ưu thế khác nhau khi áp dụng cho những yêu cầu cụ thể của việc đánh giá các khía cạnh khác nhau của chất lượng giáo dục. Việc lựa chọn hoặc xây dựng mô

hình quản lí chất lượng cho nước ta nên dựa vào năm tiêu chí sau:

- Mô hình có thể cho phép nghiên cứu đề ra các mục tiêu chiến lược của giáo dục trong từng thời kì trên cơ sở trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các chủ trương chính sách lớn của Đảng và nhà nước đối với giáo dục;

- Đảm bảo được rằng, tất cả mọi người, vào bất kì thời điểm nào, ở bất kì cương vị nào cũng đều là người quản lí chất lượng của phần việc mình được giao và hoàn thành nó một cách tốt nhất trong quá trình cải tiến liên tục, kế thừa, tích lũy nhằm đạt tới mục đích đáp ứng các yêu cầu của xã hội với chất lượng cao nhất;

- Đáp ứng nhu cầu dân chủ hoá giáo dục; các nhà giáo cần được đóng vai trò chủ thể trong quản lí chất lượng giáo dục; nhà nước và các cơ quan quản lí các cấp sẽ chỉ đóng vai trò hướng dẫn, điều phối và kiểm tra các hoạt động đảm bảo và đánh giá chất lượng trong toàn hệ thống;

- Huy động được trí tuệ xã hội tham gia vào quản lí chất lượng giáo dục thông qua việc thường xuyên đề xuất các yêu cầu đối với giáo dục.

- Quản lí trực tiếp chất lượng các sản phẩm giáo dục, đáp ứng nhu cầu của việc tạo ra các sản phẩm giáo dục nhất quán, đạt yêu cầu tối thiểu, đồng thời, quan tâm đầy đủ đến sự phát triển năng lực cá nhân của người học.

### **3. Nhóm giải pháp thứ ba: Phát triển hệ thống**

#### **3.1. Chú trọng xây dựng các cơ sở có sức cạnh tranh quốc tế**

Để một mặt nâng cao trình độ, hiệu quả và năng lực tiếp cận của hệ thống GDĐH, mặt khác, hướng sự cạnh tranh vào thị trường GDĐH toàn cầu cần xây dựng các tập đoàn đại học mạnh không mưu cầu lợi nhuận (KMCLN) (not-for-profit corporation) trên cơ sở hình thành mới hoặc sáp nhập tự nguyện các trường đại học công lập nhằm:

- + Gắn kết bộ ba: nhà nước, trường đại học và cộng đồng;

- + Thiết lập một khung quản trị năng động, tự chủ và độc lập ở từng trường đại học để các trường có thể mang lại sức sống mới từ việc học

tập các trường đại học khác trong một môi trường cạnh tranh lành mạnh và được hoàn toàn tự chủ để phát huy năng lực và bản sắc của nhà trường;

+ Đổi mới công tác quản lí các trường đại học để tăng hiệu quả đầu tư của Nhà nước, tăng sức cạnh tranh quốc tế của các trường đại học;

+ Lấy lợi nhuận từ các hoạt động khác của nhà trường để giảm học phí hoặc tăng quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên.

Việc xây dựng các tập đoàn đại học hoàn toàn không có nghĩa là doanh nghiệp hoá các trường đại học theo nghĩa đen của từ "corporatization". Hình thức KMCLN (xem mục 5. dưới đây) giữ sự cách biệt vừa phải giữa nhà trường với doanh nghiệp thông qua các chính sách vĩ mô (xem mục 7. dưới đây) và phát triển tinh thần Việt là ba giải pháp quan trọng để ngăn cản quá trình doanh nghiệp hoá này. Phát triển tinh thần Việt về bản chất chính là duy trì và bảo vệ truyền thống của trường đại học trong giảng dạy, nghiên cứu học thuật (về lí luận và khoa học cơ bản) để chống lại những cám dỗ của thị trường. Uy tín và danh tiếng đối với xã hội không phụ thuộc vào việc nhà trường thu được nhiều hay ít lợi nhuận mà chính là ở tinh thần Việt này.

### *3.2. Đa dạng hoá nguồn thu để phát triển giáo dục*

Toàn bộ mọi hình thức đa dạng hoá nguồn thu đều quan trọng cả, nhưng mỗi hình thức ấy đều có mặt hạn chế của nó. Cái khó đầu tiên và trước mắt đối với hệ thống GDĐH Việt Nam chính là phải vượt qua thách thức gay gắt tất yếu về tư tưởng. Đồng thời phải chú trọng các giải pháp kĩ thuật cụ thể:

+ Dựa vào dân để xác định và xác nhận nguồn thu nhập của phụ huynh để quyết định mức đóng góp, hoặc miễn giảm nói riêng và khả năng chi trả của xã hội nói chung.

+ Nhà trường tạo điều kiện và cơ hội làm việc ngoài giờ cho sinh viên; mở rộng hệ thống tín dụng, giáo dục nề nếp văn hoá trả nợ và thiết lập một hệ thống thu nợ hiệu quả.

+ Mở rộng các tổ chức hỗ trợ giáo dục của trường đại học bao gồm cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác.

### *3.3. Đưa sáng nghiệp thành một trong ba chức năng của trường đại học*

Bước vào thế kỷ 21, các trường đại học phải là nơi phát sinh tri thức, thu thập các tư duy sáng nghiệp và sự tinh khôn. Sáng nghiệp bổ sung một chiều thứ ba vào các hoạt động hàn lâm bằng cách chuyển sự sáng tạo thành tầm nhìn, chuyển tư duy đổi mới thành dự án và chuyển sự đam mê thành chấp nhận rủi ro để hành động. Vì vậy, trường đại học phải có chức năng sáng nghiệp, phải thúc đẩy, khuyến khích và ủng hộ mạnh mẽ tinh thần và hành động sáng nghiệp.

Ngoài thu nhập của nhà trường thông qua các hoạt động sáng nghiệp, các nhà doanh nghiệp, công nghệ tương lai sau này sẽ là lực lượng chủ chốt xây dựng quỹ bảo trợ (endowment) cho nhà trường khi họ thành đạt trong kinh doanh và công nghệ.

### *3.4. Phân tầng GDĐH là để thích ứng với cạnh tranh trong thị trường giáo dục*

Về thực chất đây là một phương thức chiếm lĩnh thị trường thích hợp của các cơ sở giáo dục. Mô hình phân tầng GDĐH Mỹ là một kinh nghiệm rất đáng học tập. Như vậy, ngoài chiến lược cạnh tranh để có được uy tín và danh tiếng các trường đại học cần "tự lượng sức mình" để chiếm lĩnh một thị trường địa lí, chuyên ngành và trình độ đào tạo để phát triển.

Khi bàn về phân tầng giáo dục trong cơ chế thị trường thì chủ thể không nằm ở những nhà quản lí mà chính là ở hệ thống các trường đại học. Nhà nước sẽ không can thiệp vào việc phân tầng GDĐH, trừ những trường nằm trong quy hoạch phát triển chiến lược (số trường này không thể nhiều) và cũng chỉ trong giai đoạn đầu thành lập hoặc thực hiện quy hoạch.

### *3.5. Khuyến khích hình thức tổ chức KMCLN*

Ngay cả ở những nước tư bản hàng đầu thì giáo dục vẫn được đặt ngang hàng với tôn giáo và các hoạt động từ thiện. Muốn có giáo dục chất lượng cao thì nhà nước phải đầu tư: miễn phí cho giáo dục phổ cập (như nước ta đã làm), đầu tư rất lớn cho nghiên cứu khoa học ở các trường đại học (như Chính phủ liên bang Hoa Kỳ đã và đang làm). Phải có cơ chế KMCLN để đảm bảo cho số tiền đó không rơi vào túi cá nhân cho

dù trường công hay trường tư. Cần tạo cơ chế cạnh tranh để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trường đại học nhưng nếu xa rời mục tiêu KMCLN của các hoạt động giáo dục thì hệ quả nhờn tiền là các thầy cô giáo cũng sẽ tính toán chi li lời lãi đối với một giờ lên lớp, hệ quả xã hội là không lường hết được.

Với các trường tư cơ chế vay trả cả vốn và lãi (được tính vào phí đầu tư) người có vốn đầu tư (hay cho vay) vào các cơ sở hoạt động KMCLN thì cũng không bị thiệt thòi, được bảo toàn vốn, được hưởng lãi theo một lãi suất nhất định theo số vốn đầu tư. Với các trường công lập KMCLN là hình thức bắt buộc.

*3.6. Tôn trọng truyền thống, các luận điểm cơ bản và lôgic nội tại của sự phát triển tự thân của các trường đại học*

Cần thiết phải phi thị trường hóa về nội dung và mục tiêu hoạt động của GDĐH. Quá trình giáo dục không giống với việc gia công sản phẩm thông thường, không phải là một trình tự cơ giới hóa đầu tư vào, sản xuất ra mà là quá trình hoạt động trí lực phức tạp của các yếu tố tư duy, biện luận và quyết định... "Theo nguyên tắc của thị trường, đơn thuần thu hẹp các khoản chi hoàn toàn không thể thực sự nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học. GDĐH không chỉ đơn thuần cung cấp cho người học sự chuẩn bị về chuyên môn và sự rèn luyện kỹ năng ngành nghề; sự ngành nghề hóa và chuyên môn hóa quá mức sẽ làm cho con người trở thành "những mảnh ghép (mozaic)".

*3.7. Bảo đảm sự cách li vừa phải với các ngành kinh doanh*

Không thể phủ nhận rằng, việc các trường đại học mở các ngành công nghệ cao hoặc hợp tác với các doanh nghiệp khác đều là sự lựa chọn cho việc trường đại học thích ứng với thị trường, cũng là điều tất nhiên của việc mở rộng chức năng của trường đại học. Nhưng nếu nghiên cứu lí luận khuất phục trước áp lực của ứng dụng thực tế thì nhất định sẽ cản trở học thuật, nhất là sự phát triển của khoa học (Tạ An Bang, 2004).

Doanh nghiệp có thể có thời kì suy thoái, còn trường đại học là vĩnh viễn. Các trường đại

học khó chấp nhận rủi ro, bởi vì giáo dục là sự nghiệp không cho phép sự hối hận và thất bại, cũng là sự nghiệp một đi không thể quay trở lại, cái giá phải trả cho sự thất bại không chỉ hết sức lớn mà còn không cách gì bù đắp được.

**V. Kết luận**

Thị trường hoá là trào lưu xã hội mà nền GDĐH Việt Nam phải đối mặt, GDĐH không thể không tiếp cận thị trường. Song điều đó không có nghĩa là GDĐH biến đổi theo trào lưu, mà truyền thống và quan niệm, giá trị, mục tiêu, tinh thần của GDĐH vẫn còn đó, vẫn phát huy tác dụng quan trọng trong việc tổ chức giảng dạy của GDĐH. Cho dù là GDĐH hay xã hội đều phải coi trọng yếu tố này.

Giá trị tinh thần, quan niệm truyền thống và hướng nhân văn của GDĐH gọi cho ta hình ảnh của những nhà nho, Chu Văn An và Khổng tử, còn giá trị kinh tế, quan niệm thị trường và hướng nghề nghiệp của GDĐH lại có được nền tảng lí luận của chủ nghĩa Mác. Tinh thể do dự (trade-off) đó không thể giải quyết theo kiểu phủ nhận một phía mà phải là tìm điểm cân bằng tối ưu. Đây chính là thử thách lớn nhất đối với các nhà hoạch định chính sách giáo dục của nước ta.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Ứng Vận, *Phát triển giáo dục đại học trong cơ chế thị trường: Cơ sở lí luận và thực tiễn*, Tạp chí KHGD, số 9, tháng 6/2006.
2. Chính phủ, *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005*.
3. Đới Hiểu Hà, Mạc Gia Hào, Tạ An Bang (chủ biên) *Thị trường hoá giáo dục bậc cao*. NXB Đại học Bắc Kinh, 2004.
4. Đặng Ứng Vận, *Giáo trình hoá tin cơ sở*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (đang in).
5. *Văn kiện về cải cách thể chế giáo dục*, NXB Nhân dân (Trung Quốc), 1985.
6. Bok D. *Universities in the Marketplace* (2003) University Press. Princeton.

**SUMMARY**

*The article presents basic contradictions and points of view in drawing up a system of macro solutions to develop higher education in the market mechanism.*